

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NHẬT MINH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NHẬT MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT MINH TECHNICAL SERVICES AND TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT MINH TECHNICAL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0106303935

3. Ngày thành lập: 11/09/2013

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6-A4 khu B tập thể Đại học Mỏ địa chất, Xã Cổ Nhuế, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 090.405.0986

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
2.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
3.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
4.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
5.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
6.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự.	3099
7.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
11.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
12.	Bán mô tô, xe máy	4541
13.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649(Chính)
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
18.	Đại lý du lịch	7911
19.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Đào tạo kỹ năng sống	8559
21.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
22.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
25.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5621
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5510

30.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
31.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
32.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
33.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
34.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
40.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
43.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
44.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
48.	Quảng cáo	7310
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Điều hành tua du lịch	7912
51.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
52.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
53.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Hoạt động của các nhà tổ chức các sự kiện thể thao - Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao; - Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí.	9319
54.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
55.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);	7320
56.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5630

58.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5629
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5610
60.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
61.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết:- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
64.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
65.	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ MINH DŨNG	Khôi 6, Thị trấn Con Cuông, Huyện Con Cuông, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	1.330.000.000	70,000	186307511	
2	LÊ MINH PHƯƠNG	Số 108 Hồng Bàng, Phường Lê Mao, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	570.000.000	30,000	182551315	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MINH DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/09/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *186307511*

Ngày cấp: *16/06/2003*

Nơi cấp: *Công an tỉnh NGHỆ AN*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khối 6, Thị trấn Con Cuông, Huyện Con Cuông, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P502 nhà B5 ký túc xá Thăng Long, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*